

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 74/2020/HNGĐ-ST
Ngày 23 tháng 12 năm 2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Minh Tân**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Thạch Hương**

2. Bà **Dư Thị Út**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà **Dương Thị Tiểu My** -Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 403/2020/TLST- HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2020/QĐXX-ST ngày 07 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông **Trần Văn Đ**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp Hòa 1, xã Long Điền, huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

* Bị đơn: Bà **Mạc Thị Bé H**, sinh năm 1967. Địa chỉ: Khóm 2, phường 7, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Đ và bà H có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông **Trần Văn Đ** trình bày:

- Về hôn nhân: Ông Đ và bà **Mạc Thị Bé H** tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1989, có tổ chức đám cưới theo phong tục, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và không phù hợp về tính tình. Mâu thuẫn kéo dài và không

thể giải quyết được, xét thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc nên ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Mạc Thị Bé H.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có hai con chung tên Trần Duy T, sinh năm 1989 và Trần Duy T1, sinh năm 1995, ngoài ra không còn con chung hay con riêng nào khác. Do hai con chung đều đã trưởng thành, tự lao động kiếm sống được nên ông Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn bà Mạc Thị Bé H trình bày:

- Về hôn nhân: Bà H và ông Trần Văn Đ tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 1989, có tổ chức đám cưới theo phong tục, không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình chung sống, chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống và không phù hợp về tính tình. Mâu thuẫn kéo dài và không thể giải quyết được, xét thấy cuộc sống gia đình không có hạnh phúc nên bà H đồng ý ly hôn với ông Đ.

- Về con chung: Quá trình chung sống, ông bà có hai con chung tên Trần Duy T, sinh năm 1989 và Trần Duy T1, sinh năm 1995, ngoài ra không còn con chung hay con riêng nào khác. Do hai con chung đều đã trưởng thành, tự lao động kiếm sống được nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Các đương sự tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Không công nhận quan hệ giữa ông Trần Văn Đ và bà Mạc Thị Bé H là vợ chồng. Về con chung: Do các con chung đều đã trưởng thành nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự thống nhất xác định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét. Ông Trần Văn Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Ông Trần Văn Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Mạc Thị Bé H. Bà H có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Ông Trần Văn Đ và bà Mạc Thị Bé H đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông Đ và bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Ông Trần Văn Đ và bà Mạc Thị Bé H tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 1989 là có xảy ra trên thực tế, được hai bên đương sự thừa nhận. Tuy nhiên, ông Đ và bà H không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định pháp luật, việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý.

Căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ giữa ông Trần Văn Đ và bà Mạc Thị Bé H là vợ chồng.

[2] Về con chung: Ông Đ và bà H thống nhất xác định ông bà có hai con chung tên Trần Duy T, sinh năm 1989 và Trần Duy T1, sinh năm 1995. Do hiện nay cả hai con chung đều trưởng thành và sống khỏe mạnh nên ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông Đ và bà H thống nhất xác định xác định tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, cho nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] Xét đề nghị của của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa ông Trần Văn Đ và bà Mạc Thị Bé H là vợ chồng.

2. Về con chung: Có hai con chung tên Trần Duy T, sinh năm 1989 và Trần Duy T1, sinh năm 1995. Do hiện nay cả hai con chung đều trưởng thành và sống khỏe mạnh, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tài sản chung tự thỏa thuận phân chia, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình ông Trần Văn Đ phải chịu 300.000 đồng. Ông Đ đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007285 ngày 19/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- Lưu.

Trần Minh Tân